

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2021/HS-ST**
Ngày: 20-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Hùng Dương;

- Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1997, tại Bình Dương. Nơi cư trú: Số 27/10, đường N, tổ 42, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị X; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, theo Quyết định số 09/QĐ-TA; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2021 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Trần Đức C, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 15/21, tổ 6, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Duy M, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nguyễn Trọng T và anh Trần Đức C là bạn với nhau. Do anh C nợ tiền T không trả nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.99 của anh C để đem bán lấy tiền. Thực hiện ý định trên, T đến phòng trọ của anh C, địa chỉ tại khu nhà trọ ông Bó, thuộc khu phố Chánh Lộc 2, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chơi rồi lấy trộm chìa khóa xe mô tô biển số 70E1-422.99 của anh C nhằm mục đích nếu có cơ hội sẽ lấy trộm xe trên.

Khoảng 02 giờ ngày 23/8/2020, sau khi đi chơi với nhóm bạn ở phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xong thì T nhờ người bạn trong nhóm là anh Trần Duy M điều khiển xe chở về nhà của T tại phường Chánh Mỹ. Trên đường về, T nhờ anh M ghé qua phòng trọ của anh C để lấy tiền. Khi anh M chạy tới khu nhà trọ ông Bó, địa chỉ tại khu phố Chánh Lộc 2, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì T kêu anh M đứng trước cổng đợi, còn T một mình đi vào bên trong. Khi T đi bộ đến trước phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ trên thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 70E1-422.92 của anh C đang dựng trước phòng trọ và không có người trông coi nên T lén lút dùng chìa khóa đã trộm được trước đó cắm vào ổ khóa xe rồi nổ máy chạy đi. Lúc này, anh M đứng phía ngoài thấy T điều khiển xe chạy ra và bị người dân trong khu trọ đuổi theo nên anh M hoảng sợ cũng bỏ chạy theo. Sau khi chạy thoát, anh M hỏi T "có chuyện gì mà người ta rượt đánh và xe mà T chạy thì lấy đâu ra" nhưng T không trả lời nên anh M chạy về nhà. Riêng T điều khiển xe mô tô biển số 70E1-422.92 vừa trộm được chạy xuống phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gặp người đàn ông tên H (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) rồi cầm xe cho H với số tiền 2.600.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 13 giờ ngày 23/8/2020, anh Trần Đức C đến Công an phường Chánh Mỹ để trình báo việc mất trộm xe. Đến ngày 24/3/2021, Công an phường Chánh Mỹ chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 244/KLTS-TTHS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.92 có trị giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.92 do chị Trần Thị Ngọc G, là em gái ruột của anh Trần Đức C đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Chị G khai cho anh C mượn xe trên để sử dụng làm phương tiện đi lại. Do xe mô tô trên không thu hồi được nên anh C yêu cầu T bồi thường số tiền 27.000.000 đồng. Hiện tại, T chưa bồi thường số tiền trên.

Quá trình điều tra Lê Nguyễn Trọng T và anh Nguyễn Duy M khai nhận việc T lấy trộm xe mô tô biển số 70E1-422.92 của anh C thì anh M hoàn toàn

không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý anh M.

Đối với người thanh niên tên H đã cầm xe mô tô biển số 70E1-422.92, do quá trình điều tra chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 93/CT-VKS-HS ngày 12/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Nguyễn Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trọng T mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.92 bị chiếm đoạt là 27.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nguyễn Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại và nội dung bản cáo trạng. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 23/8/2020, tại khu nhà trọ ông Bó, địa chỉ khu phố Chánh Lộc 2, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, bị cáo T đã lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.92 trị giá 27.000.000 đồng của anh Trần Đức C rồi bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, từng bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị của xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 70E1-422.92 bị chiếm đoạt là 27.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 260 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Nguyễn Trọng T phải bồi thường cho bị hại Trần Đức C số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sinh

